

Số: /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc sửa đổi Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 06/01/2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện chi trả chính sách
trợ giúp xã hội hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội
tại cộng đồng qua hệ thống Bưu điện**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 29/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Văn bản số 336/TTr-LĐTBXH ngày 02/11/2022 và ý kiến tham mưu của Sở Tài chính tại Văn bản số 4365/STC-NSHX ngày 19/10/2022;

Căn cứ Thông báo số 465/TB-UBND ngày 25/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kết luận họp Ủy ban nhân dân tỉnh ngày 21/11/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 06/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh, như sau:

1. Sửa đổi khoản 1 Điều 1 như sau:

“1. Phạm vi đối tượng áp dụng

Các đối tượng được hưởng chính sách theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh và đối tượng hưởng chính sách theo Điều 9 Nghị quyết số 72/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách giảm nghèo và đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022 - 2025”.

2. Sửa đổi khoản 3 Điều 1 như sau:

“3. Kinh phí thực hiện

- Mức chi phí chi trả bằng 0,5% trên tổng số tiền chi trả cho các đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng hưởng chính sách theo Điều 9 Nghị quyết số 72/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh, nhưng không quá 800.000 đồng/xã, phường, thị trấn/tháng đối với các xã, phường, thị trấn không sáp nhập (theo Nghị quyết số 819/NQ-UBTVQH14 ngày 21/11/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội) và không quá 1.200.000 đồng/xã, phường, thị trấn/tháng đối với các xã, phường, thị trấn sáp nhập (theo Nghị quyết số 819/NQ-UBTVQH14).

- Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách tỉnh bố trí dự toán cho các địa phương theo quy định hiện hành”.

3. Sửa đổi khoản 5 Điều 1 như sau:

“5. Thời gian thực hiện: Từ ngày 01/01/2023”

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Bưu điện tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ LĐ-TBXH; Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- PCVP Trần Tuấn Nghĩa;
- Trung tâm CB-TH;
- Lưu: VT, VX₂..

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ngọc Châu